

HOẠT ĐỘNG TRUYỀN GIÁO CỦA BỒ ĐÀO NHA TẠI ẤN ĐỘ (ĐẦU THẾ KỶ XVI)

ĐẶNG VĂN CHƯƠNG*
VĨNH LINH**

Sau các cuộc phát kiến địa lý của Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đến châu Á (cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI), không chỉ thị trường của Tây Âu được mở rộng mà phạm vi truyền giáo của Giáo hội La Mã cũng bắt đầu vươn tới những vùng miền xa xôi (Viễn Đông) ở châu Á. Để tiến hành xâm chiếm đất đai, mở rộng thị trường, bành trướng thế lực, các nước Tây Âu ngoài sức mạnh quân sự đã khéo léo sử dụng một nguồn sức mạnh khác, đó là các giáo sĩ của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã, ít tốn kém mà hiệu quả đạt được lại cao⁽¹⁾. Những hải cảng của Ấn Độ - nằm trên con đường thương mại từ Đông Phi sang châu Á, là nơi đầu tiên người Bồ đặt chân đến và cũng là địa bàn truyền giáo sớm nhất của Bồ Đào Nha và Giáo hội La Mã ở Ấn Độ.

I. NHỮNG TIỀN ĐỀ CHO QUÁ TRÌNH TRUYỀN GIÁO CỦA BỒ ĐÀO NHA TẠI ẤN ĐỘ

Ngoài những nguyên nhân và tiền đề chung của các cuộc phát kiến địa lý của các nước Tây Âu vào cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI⁽²⁾, Bồ Đào Nha còn hội tụ những lý do riêng, trở thành quốc gia đi tiên phong trong công cuộc phát kiến địa lý cũng như công cuộc truyền giảng đạo Thiên Chúa ở châu Á.

Thứ nhất, Bồ Đào Nha có đầy đủ những điều kiện hơn bất kỳ một quốc gia châu Âu nào trong việc tiến hành các chuyến đi vượt đại dương để tìm vùng đất mới. Bồ là một quốc gia có vị trí địa lý, giao thông, thương mại, hàng hải thuận lợi với một bờ biển dài và rộng, nằm trên bán đảo Iberia - nơi tiếp xúc giữa Địa Trung Hải và Đại Tây Dương. Chính vì lẽ đó, nền hàng hải và thương mại của Bồ đã đạt một trình độ phát triển cao hơn hẳn so với các quốc gia trong khu vực, giúp họ vững vàng vươn xa trên những đại dương rộng lớn. Đầu thế kỷ XV, hoàng tử Henry

* TS. Đặng Văn Chương, ** Vĩnh Linh, Khoa sử Trường Đại học Sư phạm Huế

(1393 - 1460) đã thành lập Trường Đại học Hàng hải, Thiên văn địa lý tại bán đảo Sagres (gần mũi Saint Vincent, miền nam Bồ Đào Nha). Tại đây, Bồ Đào Nha đã mời các nhà bác học Ả Rập và Do Thái nghiên cứu thiên văn, vẽ bản đồ... tiến hành các chuyến đi thám hiểm hàng năm dọc theo bờ biển Tây Phi. [8, 88]

Thứ hai, xuất phát từ những biến đổi nội tại trong lòng các quốc gia Tây Âu, đó là nền kinh tế hàng hóa ra đời (khoảng thế kỷ XI) và phát triển mạnh (vào thế kỷ XV), góp phần hình thành mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong lòng xã hội phong kiến, giai cấp tư sản ra đời. *Nhu cầu bức thiết về thị trường và nguyên liệu của nền kinh tế hàng hóa Tây Âu đã trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy giới thương nhân và hàng hải Bồ Đào Nha tiến hành các cuộc thám hiểm về phương Đông với tham vọng làm chủ con đường thương mại từ Tây sang Đông.*

Thứ ba, sự hỗ trợ mạnh mẽ của Đức Giáo hoàng cũng là một động lực to lớn giúp Bồ Đào Nha mạo hiểm đi vòng qua châu Phi tìm đường đến châu Á để thực hiện tham vọng của mình là mua bán "hương liệu" và truyền bá đạo Thiên Chúa. Vào hậu kì trung đại Tây Âu, quyền lực và uy tín của Giáo hội bị giảm sút từ sau phong trào Văn hóa phục hưng, nhất là sau phong trào Cải cách tôn giáo. Những biến đổi trên trong lòng xã hội phong kiến Tây Âu đã vượt ra khỏi sự khống chế của Giáo hội La Mã. Do vậy, để duy trì, khôi phục và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình, Giáo hội phải dựa vào thế lực của các vương quyền mạnh.

Một trong những quốc gia nhận được sự tin tưởng của Giáo hội đó là Bồ Đào Nha⁽³⁾ và Tây Ban Nha.

Năm 1430, giáo hoàng Martino V đã trao cho Bồ Đào Nha "quyền bảo trợ truyền giáo chư dân". Năm 1452, giáo hoàng Nicolas V trao cho Bồ cả quyền tài phán trên cả hai lĩnh vực vật chất và tinh thần. Không những vậy, các Giáo hoàng còn ban nhiều đặc ân cho Bồ Đào Nha: năm 1455, cấm tất cả những người vào trong các khu vực đất đai mà toà thánh đã ban cho Bồ Đào Nha khi chưa được phép của người Bồ Đào Nha. Năm 1494, Giáo hoàng Alexandre VI nhìn nhận tất cả đất đai mà người Bồ Đào Nha tìm thấy ở châu Phi và châu Á đều thuộc quyền sở hữu của người Bồ Đào Nha. Chỉ có vua Bồ Đào Nha mới có quyền gửi các giáo sĩ đi giảng đạo trong các quốc gia thuộc phạm vi ảnh hưởng của Bồ Đào Nha. Vì vậy, bất kì một giáo sĩ nào muốn đi truyền đạo ở châu Phi hay châu Á đều phải qua Lisbon - kinh đô của Bồ Đào Nha. Như vậy, xem như Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã đã giao quyền cho triều đình Bồ Đào Nha về việc tổ chức và hoạt động truyền giáo của các giáo sĩ ở châu Á và châu Phi trong những vùng đất đã được phân chia cho Bồ Đào Nha theo sắc lệnh Intecote năm 1493⁽⁴⁾.

Ngoài ra, *Bồ Đào Nha mong muốn tìm được một con đường đi vào Trung Quốc để tấn công vào phía sau của Hồi giáo* và ngăn chặn sự bành trướng của các vương quốc Hồi giáo ở khu vực này. Sự gặp nhau của hai ý tưởng nhưng cùng mục đích đã kéo Giáo Hội La Mã và Bồ Đào Nha lại gần nhau trong việc thực hiện tham vọng

bành trướng của mình. Người Bồ tìm thấy ở *Giáo hội một chỗ dựa vững chắc về quyền lực chính trị và tinh thần còn Giáo hội lại nhận thấy ở Bồ một sự trung thành tuyệt đối và nguồn tài chính to lớn cho việc truyền giáo ở châu Á*. Vì vậy, ngay từ đầu hoạt động truyền giáo đã có quan hệ mật thiết tới công cuộc tìm kiếm thuộc địa của Bồ Đào Nha. Thời kỳ này kinh phí, mục đích đào tạo và nhiệm vụ cụ thể của từng giáo đoàn (mission) đều do nhà nước hoặc tầng lớp tư sản thương nghiệp cung cấp. Do đó, nhiệm vụ của các giáo đoàn và sứ mạng của các giáo sĩ thừa sai (missionnaires) đã có những thay đổi so với thời kỳ trước. “Thay vì việc truyền bá tôn giáo bằng con đường truyền thống của thời nguyên thủy, người ta đã thực hiện sự cải giáo bằng phương thức cưỡng bức đồng loạt dựa vào bạo lực, nhằm chinh phục dân bản xứ về phân hôn, tạo tiền đề cũng như củng cố sự chinh phục toàn diện, nghĩa là biến dân bản xứ thành những kẻ nô lệ cho chính quốc. Và trong công cuộc chinh phục phân hôn này, các giáo sĩ thừa sai đã nhận được sự hỗ trợ của các nhà nước và sự phối hợp nhịp nhàng của các thương nhân và các Conquistadores (những người đi chinh phục vùng đất mới)” [2, 17,18].

II. HOẠT ĐỘNG TRUYỀN GIÁO

** Thành lập toà giám mục tại Malabar* (vùng duyên hải thuộc đông nam Ấn Độ)

- Ngay sau cuộc phát kiến địa lý của Vasco de Gama (1498), vào năm 1499, triều đình Bồ Đào Nha tổ chức ngay một

cuộc viễn chinh to lớn gồm 13 tàu biển do Cabral chỉ huy với sự có mặt của 16 giáo sĩ (8 giáo sĩ triều đình và 8 giáo sĩ thuộc giáo đoàn Franciscains (thường gọi là giáo đoàn Phan Sinh) [10]. Chuyến đi Ấn Độ này được đặt dưới sự hướng dẫn về tinh thần của một giáo sĩ Bồ Đào Nha. Vào ngày 24 tháng 12 năm 1500 hạm đội của Bồ Đào Nha đã đến Cochín và một liên minh đã được thiết lập giữa Bồ Đào Nha và những người thống trị tại đây. The Rajah (vua) của Cochín cho phép Bồ Đào Nha thiết lập một nhà máy. Sau đó, 30 người Bồ Đào Nha và 4 linh mục ở lại Cochín. [14.2])

Khi các giáo sĩ đến Goa, họ còn phải qua một cuộc kiểm tra chính thức do Tổng trấn Goa hoặc Toà án đạo (Inquisition) tiến hành nhằm xác minh lại lý lịch của các giáo sĩ, vì Bồ Đào Nha muốn đảm bảo bí mật con đường đến Ấn Độ nên không muốn cho những người không thuộc quốc tịch Bồ Đào Nha tham gia vào công cuộc này.

- Vào năm 1503, thuỷ thủ Alfonso de Albuquerque người Bồ Đào Nha khởi hành từ Lisbon theo con đường của Vasco de Gama, qua Mozambique, Zanzibar và sau một cuộc hành trình đầy gian nan ông đã tới miền Malabar (Ấn Độ) cập bến tại Cochín. Trên chuyến đi này có năm linh mục dòng Dominicains (Đa Minh): linh mục Domingo de Souza - vị linh hướng của Albuquerque, và các linh mục Jão del Rosario, Pedro de Abreu, Antonio de Matta, Ro dr'gues Homen. Linh mục Domingo de Souza được coi là linh hồn của cuộc thám hiểm này[6; 46]. Ông

thường giúp đỡ động viên về mặt tinh thần đối với thuyền trưởng Albuquerque. Tại Malabar, các vị linh mục đã đến truyền giáo ở Coulam. Trên cơ sở Thiên Chúa giáo được phát triển mạnh mẽ tại miền duyên hải Malabar, linh mục Domingo de Souza và Albuquerque khi trở về đã đề nghị vua Bồ Đào Nha thiết lập tòa giám mục tại nơi đây (1503). Thế theo lời đề nghị của vua Manuel I (1495 - 1521), Đức Giáo hoàng Alexandre VI (1492 - 1503) đã cho phép thiết lập địa phận Malabar và cử cha Eduardo Numez dòng Dominicains làm chức giám mục ở địa phận này. [1; 239]

Năm 1504, nhà thờ đầu tiên São Bartolomeu đã được xây dựng. Năm 1506, bắt đầu xây dựng nhà thờ Santa Cruz. Một nhà thờ khác của giáo xứ gọi là Madre de Deus đã được khánh thành vào năm 1510.

Ngoài giáo đoàn Dominicains, năm 1520 giáo đoàn Franciscains đã đến và xây dựng nhà thờ đầu tiên của giáo đoàn tại Cochín. Tiếp đó, họ đã xây dựng một chủng viện (Santo Antonio) (1518-1520), một trường dòng và một nhà thờ dành cho São Francisco de Assis (1516-1522).

Vào năm 1558, giáo khu Cochín đã được lập nên và nhà thờ Santa Cruz trở thành nhà thờ lớn. [14.2]

Cochín - Malabar là địa phận công giáo đầu tiên của Bồ Đào Nha ở Ấn Độ và cũng từ đây, Bồ Đào Nha mở rộng quá trình truyền giáo đến các quốc gia khác ở châu Á.

*** Thành lập giáo phận Goa**

Từ Cochín, Bồ Đào Nha đã mở rộng hoạt động của mình đến Goa - nơi mà sau này trở thành một trong ba thương điểm, ba giáo phận quan trọng nhất của đế quốc Bồ Đào Nha ở châu Á. Goa nằm trên một hòn đảo tại cửa sông Mondovi. Lúc người Bồ Đào Nha đến Ấn Độ, Goa đang ở dưới sự cai trị của Sultan Bijapur.

Năm 1505, vua Manuel I phái hai chiếc tàu đi Ấn Độ và giao quyền chỉ huy cho hai thủy thủ lão luyện Almeida và Albuquerque. Một số cha dòng Franciscains đi với Almeida. Còn tàu của ông Albuquerque có 11 cha dòng Dominicains là các cha: Tomé de São Martin, João de Ossias, Francisco Martines, Angustino de Zuniga, Rodrigues de Ladrada, Martin de Frugillo, Phedro de Villao, Garpar de carvayal, Bartholome de Ojeda, Blasio de Castella và Diego de São Tomé, tất cả đều chịu sự hướng dẫn tinh thần của cha Domingo de Souza. Khi tới Ấn Độ, ông Albuquerque đã chọn Omuz và Goa làm thành hai cứ điểm quan trọng của Bồ Đào Nha tại châu Á.

Năm 1507 tại Omuz, một cứ điểm nằm ngay lối vào vịnh Persian (vịnh Ba Tư), linh mục Del Rosario xây một tu viện làm trụ sở cho công cuộc truyền giáo ở Ba Tư và Ả Rập.

Trong khi đó thành Goa có tầm quan trọng lớn hơn nhiều. Đây không chỉ là vị trí chiến lược để phát triển lực lượng của Bồ Đào Nha về phía Đông (Trung Quốc và Đông Nam Á) mà còn là hải cảng quan trọng bậc nhất cho thương mại hương liệu. Cuộc xâm chiếm đầu tiên của người Bồ Đào Nha ở Goa được tiến hành bởi

bành trướng của mình. Người Bồ tìm thấy ở *Giáo hội một chỗ dựa vững chắc về quyền lực chính trị và tinh thần còn Giáo hội lại nhận thấy ở Bồ một sự trung thành tuyệt đối và nguồn tài chính to lớn cho việc truyền giáo ở châu Á*. Vì vậy, ngay từ đầu hoạt động truyền giáo đã có quan hệ mật thiết tới công cuộc tìm kiếm thuộc địa của Bồ Đào Nha. Thời kỳ này kinh phí, mục đích đào tạo và nhiệm vụ cụ thể của từng giáo đoàn (mission) đều do nhà nước hoặc tầng lớp tư sản thương nghiệp cung cấp. Do đó, nhiệm vụ của các giáo đoàn và sứ mạng của các giáo sĩ thừa sai (missionnaires) đã có những thay đổi so với thời kỳ trước. “Thay vì việc truyền bá tôn giáo bằng con đường truyền thống của thời nguyên thủy, người ta đã thực hiện sự cải giáo bằng phương thức cưỡng bức đồng loạt dựa vào bạo lực, nhằm chinh phục dân bản xứ về phần hồn, tạo tiền đề cũng như củng cố sự chinh phục toàn diện, nghĩa là biến dân bản xứ thành những kẻ nô lệ cho chính quốc. Và trong công cuộc chinh phục phần hồn này, các giáo sĩ thừa sai đã nhận được sự hỗ trợ của các nhà nước và sự phối hợp nhịp nhàng của các thương nhân và các Conquistadores (những người đi chinh phục vùng đất mới)” [2, 17,18].

II. HOẠT ĐỘNG TRUYỀN GIÁO

* *Thành lập toà giám mục tại Malabar* (vùng duyên hải thuộc đông nam Ấn Độ)

- Ngay sau cuộc phát kiến địa lý của Vasco de Gama (1498), vào năm 1499, triều đình Bồ Đào Nha tổ chức ngay một

cuộc viễn chinh to lớn gồm 13 tàu biển do Cabral chỉ huy với sự có mặt của 16 giáo sĩ (8 giáo sĩ triều đình và 8 giáo sĩ thuộc giáo đoàn Franciscains (thường gọi là giáo đoàn Phan Sinh) [10]. Chuyến đi Ấn Độ này được đặt dưới sự hướng dẫn về tinh thần của một giáo sĩ Bồ Đào Nha. Vào ngày 24 tháng 12 năm 1500 hạm đội của Bồ Đào Nha đã đến Cochín và một liên minh đã được thiết lập giữa Bồ Đào Nha và những người thống trị tại đây. The Rajah (vua) của Cochín cho phép Bồ Đào Nha thiết lập một nhà máy. Sau đó, 30 người Bồ Đào Nha và 4 linh mục ở lại Cochín. [14.2])

Khi các giáo sĩ đến Goa, họ còn phải qua một cuộc kiểm tra chính thức do Tổng trấn Goa hoặc Toà án đạo (Inquisition) tiến hành nhằm xác minh lại lý lịch của các giáo sĩ, vì Bồ Đào Nha muốn đảm bảo bí mật con đường đến Ấn Độ nên không muốn cho những người không thuộc quốc tịch Bồ Đào Nha tham gia vào công cuộc này.

- Vào năm 1503, thủy thủ Alfonso de Albuquerque người Bồ Đào Nha khởi hành từ Lisbon theo con đường của Vasco de Gama, qua Mozambique, Zanzibar và sau một cuộc hành trình đầy gian nan ông đã tới miền Malabar (Ấn Độ) cập bến tại Cochín. Trên chuyến đi này có năm linh mục dòng Dominicains (Đa Minh): linh mục Domingo de Souza - vị linh hướng của Albuquerque, và các linh mục Jão del Rosario, Pedro de Abreu, Antonio de Matta, Ro dr'gues Homen. Linh mục Domingo de Souza được coi là linh hồn của cuộc thám hiểm này [6; 46]. Ông

thường giúp đỡ động viên về mặt tinh thần đối với thuyền trưởng Albuquerque. Tại Malabar, các vị linh mục đã đến truyền giáo ở Coulam. Trên cơ sở Thiên Chúa giáo được phát triển mạnh mẽ tại miền duyên hải Malabar, linh mục Domingo de Souza và Albuquerque khi trở về đã đề nghị vua Bồ Đào Nha thiết lập tòa giám mục tại nơi đây (1503). Thế theo lời đề nghị của vua Manuel I (1495 - 1521), Đức Giáo hoàng Alexandre VI (1492 - 1503) đã cho phép thiết lập địa phận Malabar và cử cha Eduardo Numez dòng Dominicains làm chức giám mục ở địa phận này. [1; 239]

Năm 1504, nhà thờ đầu tiên São Bartolomeu đã được xây dựng. Năm 1506, bắt đầu xây dựng nhà thờ Santa Cruz. Một nhà thờ khác của giáo xứ gọi là Madre de Deus đã được khánh thành vào năm 1510.

Ngoài giáo đoàn Dominicains, năm 1520 giáo đoàn Franciscains đã đến và xây dựng nhà thờ đầu tiên của giáo đoàn tại Cochin. Tiếp đó, họ đã xây dựng một chủng viện (Santo Antonio) (1518-1520), một trường dòng và một nhà thờ dành cho São Francisco de Assis (1516-1522).

Vào năm 1558, giáo khu Cochin đã được lập nên và nhà thờ Santa Cruz trở thành nhà thờ lớn.[14.2]

Cochin - Malabar là địa phận công giáo đầu tiên của Bồ Đào Nha ở Ấn Độ và cũng từ đây, Bồ Đào Nha mở rộng quá trình truyền giáo đến các quốc gia khác ở châu Á.

*** Thành lập giáo phận Goa**

Từ Cochin, Bồ Đào Nha đã mở rộng hoạt động của mình đến Goa - nơi mà sau này trở thành một trong ba thương điểm, ba giáo phận quan trọng nhất của đế quốc Bồ Đào Nha ở châu Á. Goa nằm trên một hòn đảo tại cửa sông Mondovi. Lúc người Bồ Đào Nha đến Ấn Độ, Goa đang ở dưới sự cai trị của Sultan Bijapur.

Năm 1505, vua Manuel I phái hai chiếc tàu đi Ấn Độ và giao quyền chỉ huy cho hai thủy thủ lão luyện Almeida và Albuquerque. Một số cha dòng Franciscains đi với Almeida. Còn tàu của ông Albuquerque có 11 cha dòng Dominicains là các cha: Tomé de São Martin, João de Ossias, Francisco Martines, Angustino de Zuniga, Rodrigues de Ladrada, Martin de Frugillo, Phedro de Villao, Garpar de carvayal, Bartholome de Ojeda, Blasio de Castella và Diego de São Tomé, tất cả đều chịu sự hướng dẫn tinh thần của cha Domingo de Souza. Khi tới Ấn Độ, ông Albuquerque đã chọn Omuz và Goa làm thành hai cứ điểm quan trọng của Bồ Đào Nha tại châu Á.

Năm 1507 tại Omuz, một cứ điểm nằm ngay lối vào vịnh Persian (vịnh Ba Tư), linh mục Del Rosario xây một tu viện làm trụ sở cho công cuộc truyền giáo ở Ba Tư và Ả Rập.

Trong khi đó thành Goa có tầm quan trọng lớn hơn nhiều. Đây không chỉ là vị trí chiến lược để phát triển lực lượng của Bồ Đào Nha về phía Đông (Trung Quốc và Đông Nam Á) mà còn là hải cảng quan trọng bậc nhất cho thương mại hương liệu. Cuộc xâm chiếm đầu tiên của người Bồ Đào Nha ở Goa được tiến hành bởi

Alfonso de Albuquerque - Ông đã thiết lập nền tảng cho sự cai trị của Bồ Đào Nha ở Ấn Độ và duy trì quyền lực độc tôn của Bồ Đào Nha trên biển. Vào năm 1503, lần đầu tiên ông ta đến Ấn Độ như một người chỉ huy của một đội tàu và vào năm 1509, ông được chỉ định làm Thống đốc về những vấn đề Bồ Đào Nha ở Ấn Độ - Năm 1510, một kế hoạch tấn công Goa bắt đầu được thực hiện. Lúc này Goa đang dưới sự cai trị của Sultan Adil Shah của Bijapur. Vào ngày 17 tháng 2 năm 1510, lần đầu tiên Alfonso de Albuquerque tiến vào thành Goa và gặp phải sự kháng cự rất yếu ớt. Sultan Adil Shah ngay lập tức đem quân tiếp viện. 50 000 chiến binh Hồi giáo tiến vào Goa vào ngày 20/5/1510, và đó là lý do vì sao Alfonso de Albuquerque phải bỏ chạy ra khỏi thành Goa (vào 23 tháng 5 năm 1510). Để giành được chiến thắng cuối cùng, Alfonso de Albuquerque đã liên kết với một thủ lĩnh Hindu gọi là Timoja. Albuquerque đã chuẩn bị một đội quân gồm 23 chiếc tàu và 2000 binh lính trở lại xâm chiếm Goa. Ngày 25/11/1510, Bồ Đào Nha đã đánh bại hoàn toàn lực lượng của Sultan Bijapur, chiếm Goa và biến nó trở thành thủ đô của Bồ Đào Nha ở Ấn Độ. Để trả thù, Albuquerque đã tiến hành tàn sát đẫm máu người Hồi giáo tại Goa và loại trừ hoàn toàn những thế lực của các tiểu vương Hồi giáo tại đây. Francisco de Almedia là Thống đốc đầu tiên đánh dấu quyền lực của Bồ Đào Nha tại Ấn Độ. [14.3]

Cũng chính ngày này (25/11/1510 - ngày lễ kính thánh nữ Catarina tử vì đạo) linh mục De Souza cho xây dựng tại Goa

một tu viện mang tên thánh Catarina.

Sau khi đánh bại cuộc tấn công của người Hồi giáo (1512), Albuquerque xây dựng một bệnh viện và lập ra một vài nhà thờ (nhà thờ Priorado do Rosario, nhà nguyện Santa Catarina). Trước sự lớn mạnh của giáo phận Goa, ngày 03/11/1534, đức Giáo hoàng Phaolo III (1534-1549) ký sắc lệnh "Aequum Reputamus" thành lập giáo phận Goa có nhiệm vụ truyền giáo từ mũi Hảo Vọng đến Trung Quốc [6]. Nhân dịp này người ta đã cho xây dựng một nhà thờ lớn (Santa Catarina 1562-1619).

Trên cơ sở giáo phận Goa, Bồ Đào Nha đã nhanh chóng làm chủ những hải cảng thương mại quan trọng và tiến hành xây dựng các pháo đài và nhà thờ nhằm bành trướng thế lực và mở rộng ảnh hưởng của Giáo hội La Mã ra những vùng đất khác tại Ấn Độ.

* *Tại Bassein (Baçaim)*: Bassein cách Bombay 70 km, trên biển Ả Rập, nó nằm trên một hòn đảo ở cửa sông và đó là một vị trí vô cùng thuận lợi. Thành phố trực thuộc vương quốc Cambay, với nguồn tài nguyên giàu có: thương mại buôn ngựa, cà, muối, gỗ, các mỏ đá (bazan, hoa cương), và những xưởng đóng tàu. Khi đó, thành phố nằm ở trung tâm của một vùng nông nghiệp trù phú, với gạo, trấu, mía đường v.v. Đến năm 1532, người Bồ Đào Nha tấn công Bassein, họ chỉ gặp sự kháng cự yếu ớt nên đã vào được pháo đài và phá huỷ nó. Thị xã Thana, Bandora, Mahim and Bombaim đã chịu làm chư hầu của triều đình Bồ Đào Nha. Vào ngày 23 tháng 12 năm 1534, tiểu vương của

Guzarat đồng ý trao cho Bồ Đào Nha Bassein cùng những vùng phụ thuộc của nó (Salcete, Bombaim, Parel, Vadala, Siao, Vorli, Mazagao, Thana, Bandra, Mahim, Caranja...) thông qua một hiệp ước. Tại đây, Thiên Chúa giáo cũng được truyền bá một cách rộng rãi với nhiều nhà thờ được xây dựng liên tục. "Năm 1535, Bồ Đào Nha đã cho xây dựng nhà thờ Nossa Senhora da Vida. Vào năm 1547, giáo đoàn Franciscans, thiết lập nhà tu kín và nhà thờ Santo Antonio, cũng trong năm này xây dựng nhà thờ Matriz de S. José. Đến năm 1548, St. Francisco Xavier dừng lại và cải đạo cho một phần cư dân Ấn Độ sang Thiên chúa giáo. Năm 1549, giáo đoàn Jesuits (dòng Tên), xây dựng nhà thờ Sagrado Nome, sau đó vào năm 1561, bắt đầu xây dựng một trường cao đẳng (trường dòng)". [14.1]

Trên đảo Salcete (Salsette), đã xây dựng 9 nhà thờ: Nirmal (1557), Nossa Senhora dos Remedios (1557), Sandor (1566), Agashi (1568), Nandakal (1573), Papdy (1574), Pale (1595), Manickpur (1606), Nossa Senhora das Mercedes (1606). Năm 1559, Damao cũng bị chiếm đóng, và cùng năm này pháo đài Bulsar cũng đặt dưới sự kiểm soát của Bồ Đào Nha, nhưng vào năm 1560 pháo đài cuối cùng này cũng bị bỏ rơi. Năm 1564, nhà thờ Sao Gonçalo được xây dựng bởi giáo đoàn Dominicans.

Năm 1581, giáo đoàn Jesuits, đã xây dựng, nhà thờ Nossa Senhora da Graça. Năm 1596, giáo đoàn Augustinian, đã xây dựng nhà thờ Nossa Senhora da Anunciada. Đến cuối thế kỷ XVII Baçaim

đã đạt đến sự phát triển rực rỡ. "Vào năm 1634, dân số ở Baçaim vào khoảng 400 gia đình, trong đó có 200 gia đình người Ấn Độ cải đạo Thiên Chúa và 1800 nô lệ". [14.1]

* *Thị xã Chaul* của người Bồ Đào Nha nằm khoảng 350 km phía bắc Goa và 60 km phía nam Bombay, nằm ở cửa sông Kundalika. Từ năm 1521, Chaul nằm dưới sự cai trị của người Bồ Đào Nha, và cùng năm này họ đã xây dựng pháo đài đầu tiên. Vào tháng 10 năm 1531, người Bồ Đào Nha, xây dựng một pháo đài hình vuông bằng đá đồ sộ tại Chaul, trong đó có nhà thờ "Matriz", nhà thờ và tu viện kín của giáo đoàn Augustinian, nhà thờ của giáo đoàn Franciscans và những ngôi nhà cư trú được 120 người, pháo đài được đặt tên là "Santa Maria do Castello". [14.1]

III. VÀI NHẬN XÉT

1. Qua những điều đã được trình bày ở trên ta có thể nhận thấy công cuộc truyền đạo lần này đã được tiến hành một cách có hệ thống và nhất quán đồng thời với việc Bồ Đào Nha thiết lập những thương điểm của mình tại Ấn Độ. Như vết dầu loang nhanh và chắc chắn, Giáo hội La Mã đã thực hiện được mục đích của mình thông qua đạo quân xâm lược người Bồ. Và thật trùng hợp sự kết hợp giữa vương quyền và thần quyền đã đạt được một hiệu quả làm thoả mãn cả hai bên: triều đình Bồ và Giáo hội La Mã. Bồ Đào Nha đã thực hiện được phần nào những tham vọng của mình và Thiên Chúa giáo đã trở lại châu Á không phải đơn thuần là những giáo sĩ truyền bá kinh sách mà bằng cả một đạo quân để thực hiện việc truyền giảng nhằm

cứu vãn sự giảm sút thế lực của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã tại châu Âu

2. Công cuộc truyền giáo của Bồ Đào Nha tại Ấn Độ gắn bó chặt chẽ với quá trình tìm kiếm thuộc địa, xâm chiếm và làm chủ các hải cảng thương mại tại Ấn Độ. Hai lĩnh vực này hỗ trợ và tương tác lẫn nhau. Có thể nói đây là kiểu mẫu cho sự kết hợp vương quyền và thần quyền của các nước Tây Âu trong việc đi chinh phục và thiết lập hệ thống thuộc địa tại châu Á. Những thương điểm, những hải cảng có vị trí chiến lược về thương mại cũng đồng thời là trung tâm của hoạt động truyền giáo. Đây là một bài học mà chủ nghĩa thực dân châu Âu ngay từ khi mới xuất hiện đã “thực hành” một cách thường xuyên và sau này các đế quốc thực dân khác đặc biệt là Pháp đã kế thừa và phát huy cao độ, phục vụ cho công cuộc xâm lược, bành trướng thuộc địa của họ.

3. Công cuộc truyền giáo tại Ấn Độ đã mở ra một thời kỳ truyền giáo mới. Sau nhiều thế kỷ không thành công trong việc xác lập địa vị của Giáo hội La Mã tại châu Á khi vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của Hồi giáo ở Tây Á, thì với những hoạt động tại Ấn Độ, Giáo hội La Mã đã dần dần khẳng định được vị thế của mình trước Hồi giáo và những nhà thờ, tu viện, trường học... được thiết lập tại Cochín, Goa... là cơ sở để từ đó hoạt động truyền bá đạo Thiên Chúa được mở rộng xuống Đông Nam Á, Trung Quốc và Nhật Bản... Nó đã góp phần mở ra một mốc mới trong quan hệ giữa châu Âu với các quốc gia châu Á trong thời cận đại./

CHÚ THÍCH

1. Vì các giáo sĩ là những người được đào tạo công phu ở trong các nhà dòng của Giáo hội, có tri thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, dễ dàng xâm nhập vào vùng đất mới để chinh phục thổ dân, phát hiện những tài nguyên phong phú, ít gây sự hoài nghi và phản ứng của những người bản xứ [6,16]
2. Đó là do con đường buôn bán truyền thống giữa châu Âu và châu Á bị tắc nghẽn khi ngang qua vùng Thổ Nhĩ Kỳ bị người Turc theo đạo Ixlam chiếm giữ vào năm 1451. Do vậy, các nước Tây Âu mạnh dạn đi về phía Tây để đến châu Á khi họ đạt được những tiến đề như: nhận thức được trái đất hình cầu, chế tạo được tàu Caraven, biết sử dụng và chế tạo la bàn...
3. Trước thế kỷ XII, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha là một quốc gia thống nhất, nhưng dưới triều Alfonso I Henriques, Bồ Đào Nha tách thành nước độc lập. Trong việc đương đầu với sự bành trướng của thế lực Ixlam sang châu Âu (từ thế kỷ VIII trở đi), Bồ Đào Nha là nước tiên phong của Giáo hội trong quá trình chống lại sự xâm nhập của người Moore (Hồi giáo) ở bán đảo Iberia và Bắc Phi
4. Sắc lệnh này được ký ngày 03 và 04 tháng 5 năm 1493 phân chia thế giới truyền giáo cho hai nước mà đường ranh là kinh tuyến 300 từ bắc xuống nam cực - đi ngang qua quần đảo Azores thuộc Bồ Đào Nha - Tây kinh tuyến từ nay thuộc Tây Ban Nha bảo trợ truyền giáo, phần này gồm cả tân thế giới (châu Mỹ). Đông kinh tuyến còn lại thuộc Bồ Đào Nha gồm châu Phi và châu Á. [6, 27]. Tuy nhiên sau đó, hai nước Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha ký hòa ước Tordisilas (1494) phân chia thế giới và phạm vi truyền đạo cho cả hai bên. [1; 236]